

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,**  
**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Miện

Ông Nguyễn Văn Hải

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà:***  
Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1237/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị NA, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú tại đường Nam Kỳ khởi nghĩa, phường TT, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt);

*Bị đơn:* Anh Sơn T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú tại đường Vi Ba, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2019 và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị NA trình bày:*

Chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Từ năm 2017, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T có tình cảm với người khác nên không quan Ta đến vợ con và hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Chị NA xác nhận không còn tình cảm với anh T nữa, vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T có 01 con chung là Sơn Ta, sinh ngày 17-6-2015. Chị NA yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Sơn T không đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến.*

*Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến*

+Về thủ tục tố tụng: quá trình thụ lý, điều tra, hoà giải Thẩm phán, Thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân theo quy định của pháp luật, bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

+Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị NA.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định :*

#### **I/ Về tố tụng:**

[1]. Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị NA yêu cầu ly hôn với anh Sơn T nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”; anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2]. Xét sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án triệu tập hợp lệ anh Sơn T, anh T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

#### **II/ Về nội dung:**

[1]. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị NA và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị NA xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T có tình cảm với người khác nên không quan tâm đến vợ con.

Chị NA xác nhận không còn tình cảm với anh T nữa, vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Còn anh T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo xác minh tại địa phương: “*Vợ chồng chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T có thời gian chung sống với nhau tại đường Nam Kỳ khởi nghĩa, Phường TT, thành phố*

*Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có tình cảm với người khác ở bên ngoài. Vợ chồng chỉ sống chung 01 năm thì anh T chuyển đi sinh sống nơi khác, chị NA và cháu Sơn Ta vẫn chung sống tại địa chỉ trên”.*

Xét thấy, vợ chồng chị NA và anh T mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có tình cảm với người khác nên không quan tâm đến vợ con.

Do đó, hôn nhân của chị NA và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung giữa họ không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T có 01 con chung là Sơn Ta, sinh ngày 17-6-2015, chị NA yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu Ta đang sống với mẹ ổn định, anh T không quan Ta đến con nên chấp nhận giao cháu Sơn Ta cho chị NA tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị NA không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị NA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị NA phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 81,82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị NA đối với anh Sơn T về việc ‘Ly hôn’

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NA được ly hôn với anh Sơn T.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị NA và anh Sơn T có 01 con chung là Sơn Ta, sinh ngày 17-6-2015, chị NA được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Ta. Chị NA không yêu cầu anh Sơn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Sơn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị NA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị NA phải nộp 300.000(ba trăm nghìn)đồng, được khấu trừ 300.000(ba trăm nghìn)đồng chị NA đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003424 ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; chị NA đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án (đối với bị đơn vắng mặt cũng 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKS NDTP.Vũng Tàu
- Tòa án tỉnh BR-VT
- Chi cụcTHA TP.Vũng Tàu
- Gửi đương sự,
- Lưu hồ sơ